

Số: 89/2020/QĐST-HNGĐ

Lấp Vò, ngày 27 tháng 4 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 104/2020/TLST- HNGĐ, ngày 04 tháng 3 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Cẩm T, sinh năm 1996; địa chỉ: Số 754, ấp L, xã B, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1995; địa chỉ: Số 450 ấp A, xã T, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17 tháng 4 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17 tháng 4 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Lê Thị Cẩm T và anh Nguyễn Văn L.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Chị Lê Thị Cẩm T và anh Nguyễn Văn L tự nguyện thuận tình ly hôn.

2.2. Về nuôi con chung:

Giao con chung tên Nguyễn Lê Hoàng P, sinh ngày 01/9/2018 cho chị Lê Thị Cẩm T trực tiếp nuôi dưỡng (Cháu Nguyễn Lê Hoàng P hiện đang do chị T nuôi dưỡng).

Anh Nguyễn Văn L tự nguyện đóng góp (Cấp dưỡng) nuôi con tên Nguyễn Lê Hoàng P mỗi tháng là ½ tháng lương cơ sở cho đến khi đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 5 năm 2020.

Chị Lê Thị Cẩm T và các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Nguyễn Văn L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

2.3. Về chia tài sản: Chị Lê Thị Cẩm T và anh Nguyễn Văn L thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về nợ chung: Chị Lê Thị Cẩm T và anh Nguyễn Văn L thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về án phí: Chị Lê Thị Cẩm T tự nguyện nộp 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn và 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị T nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số BH/2018/ 0009282, ngày 03/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện LV, vậy chị T đã nộp xong.

2.6. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Huyện;
- Chi cục THADS Huyện;
- UBND xã B;
- (GCNKH số 27 ngày ĐK 21/3/2018)
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

(Đã ký)

Trần Văn Kiến